

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 01-12-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thi Hiền

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLPT- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐ-PT ngày 01/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1981 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Khu C, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị C:* Luật sư Giáp Thị V - Văn phòng luật sư Kim Vĩnh A - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại xã V, huyện T, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Vợ chồng mâu thuẫn do anh H xúc phạm chị, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 và Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015, hiện cháu L1 đang ở với chị, cháu L2 đang ở với anh H. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu L2, cháu L1. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C có mặt giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H. Về con chung chị xin được nuôi dưỡng cháu L2, cháu L1, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đang làm công nhân ở thành phố B thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Hiện chị không có nhà riêng nhưng chị có thuê căn hộ ở chung cư để mẹ con chị sinh sống. Chị đảm bảo đủ điều kiện và khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời ngày 04/5/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị C kết hôn tháng 02 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 và Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015, hiện cháu L2 đang ở với anh, cháu L1 đang ở với chị C. Anh không đồng ý cho để chị C nuôi dưỡng 02 con chung. Anh cho rằng chị C quê ở Nghệ An, hiện đang làm công nhân ở Bắc Ninh, chị C không có nhà riêng mà phải thuê phòng ở. Chị C đi làm công nhân không có thời gian, trong thời gian chị C đi làm cháu L1 phải ở nhà một mình không có người trông nom cháu L1. Để đảm bảo học tập và cuộc sống ổn định anh đề nghị Tòa án giao cháu L2 cho anh nuôi dưỡng, giao cháu L1 cho chị C nuôi dưỡng. Anh và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Ngọc Bảo L và cháu Nguyễn Thị Khánh L trình bày: Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên toà sơ thẩm, anh H đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh đề nghị được nuôi cháu L2, chị C nuôi cháu L1. Anh và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 31/2021/HNGĐ-ST, ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015. Anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009. Chị C, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị C, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C, anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000226 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 30/7/2012 chị Nguyễn Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên về phần giải quyết nuôi con chung. Chị không đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng. Với lý do: Cháu Long có nguyện vọng ở với mẹ, chị điều kiện kinh tế ổn định thu nhập 20.000.000 đồng/ tháng, thời gian làm việc giờ hành chính đảm bảo về thời gian đưa đón con và chăm sóc các con, hiện chị đang thuê nhà ở chung cư thời hạn 5 năm thuận tiện cho việc đi làm và học tập của các con. Anh H điều kiện chăm sóc cháu L2 hạn chế, công việc của anh H không ổn định, lao động tự do, hàng ngày cháu thường xuyên ở với bà nội. Trong thời gian hai năm cháu L2 ở với bà, anh H không quan tâm cháu học tập sa sút, chị có ý kiến với anh H quan tâm đến con nhưng anh H không vẫn không để ý con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Do vắng mặt bị đơn anh H nên không tiến hành thỏa thuận.

Chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị Đồng ý với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị. Chị kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo L2 cho chị nuôi dưỡng vì trước đây cháu ở cùng bố và bà nội học tại Trường trung học cơ sở (viết tắt THCS) V, huyện T, sau khi bản án sơ thẩm xử thì tháng 8/2021 anh H chính là người đã làm thủ tục chuyển trường học cho cháu về Trường THCS K, tại phiên tòa chị cũng đã xuất trình cho Hội đồng xét xử đơn xác nhận của nhà trường nơi cháu L2 đang học và đơn đề nghị của cháu L2 có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Chị hiện nay đang làm cho Công ty CHUNHE; địa chỉ ở Thành phố B, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, chị chưa có nhà riêng nhưng chị thuê nhà chung cư để ba mẹ con chị ở, chị có điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc các con, anh H hiện đang làm ở Thái Nguyên, công việc không ổn định, thì thoảng mới về nhà thăm gia đình. Do vậy, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Nếu được nuôi hai con chung chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị.

Luật sư Giáp Thị V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận kháng cáo của chị C, sửa bản án sơ thẩm. Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì chị C có điều kiện nuôi hai con chung tốt hơn anh H, chị C có điều kiện kinh tế, công việc và thu nhập làm ổn định, anh H hiện nay đang đi làm ở Thái Nguyên, anh H là người trực tiếp làm thủ tục chuyển trường học cho cháu L2 về Trường THCS K nơi chị C đang sinh sống và làm việc. Ngoài ra, hai cháu Ly và cháu Long đều có nguyện vọng ở cùng mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị C có mặt chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70,71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không chấp hành quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị C. Giao cháu Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Với lý do anh Hòa đã trực tiếp làm thủ tục chuyển trường học cho cháu L2 từ huyện T về Trường THCS K, thành phố B nơi chị C đang sinh sống và làm việc, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu.

Về án phí: Chị C không án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Địa diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H kết hôn tháng 02 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian. Năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị C xác định không còn tình cảm với anh H và yêu cầu ly hôn. Anh H đồng ý ly hôn với chị C. Bản án sơ thẩm căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C và anh H. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Chị C, anh H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 và Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015. Vợ chồng ly hôn, chị C xin nuôi cháu L2, cháu L1, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H đề nghị xem xét giải quyết cho anh nuôi cháu L2, chị C nuôi cháu L1. Bản án sơ thẩm giao cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 10/11/2015. Anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009. Chị C, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C kháng cáo đề nghị giao cháu L2 cho chị nuôi dưỡng.

Xét kháng cáo của chị C, Hội đồng xét xử thấy: Xét điều kiện nuôi con chung của chị C, anh H thì thấy: Hiện nay chị Cảnh đang làm việc tại Công Ty CHUNNHE, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/01tháng (bảng lương bút lục 61), chị thuê nhà ở chung cư H, tại thành phố B có đầy đủ tiện nghi, gần nơi các con đang theo học, chị làm việc giờ hành chính, anh H hiện đang làm ở Thái Nguyên, thì thoảng mới về nhà. Do vậy, điều kiện nuôi con của chị C tốt hơn anh H về mọi mặt. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm anh H chính là người chuyển trường học cho cháu L2 từ Trường THCS V, huyện T về Trường THCS K, thành phố B nơi chị C làm việc và sinh sống. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị (chị C giao nộp cho Hội đồng xét xử đơn xin xác nhận của Trường THCS K, thành phố B nơi cháu L2 đang theo học lớp 7A5 và đơn trình bày nguyện vọng của cháu L2), ngoài ra các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Từ những nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của chị C là có cơ sở chấp nhận. Nên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị C. Sửa bản án sơ thẩm. Giao hai con chung Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015, Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18

tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo cho các con chung phát triển bình thường và ổn định tâm lý cũng như điều kiện học tập. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị C được chấp nhận nên chị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả chị Nguyễn Thị C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị C. Sửa bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 10/11/2015, Nguyễn Ngọc Bảo L2, sinh ngày 24/9/2009 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị C 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000382 ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang Trần Thị Hà

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Việt Ngọc, huyện T;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đoàn Thị Oanh